

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Anh Tuấn

Bà Ka Phê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2018/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị R – sinh năm: 1982.

Trú tại: Thôn A – xã B – huyện C – tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Thôn D – xã E – huyện F – tỉnh Bình Thuận.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Công Đ – sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn G – xã H – huyện I – tỉnh Lâm Đồng.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị R trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ tự nguyện tìm hiểu yêu nhau, sau đó vợ chồng bà R và ông Đ đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2012 tại Ủy

ban nhân dân xã Đoàn Kết – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bà R và ông Đ bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là ông Đ thường xuyên cò bạc và đánh đập bà R, bà R và ông Đ hay cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà R và ông Đ đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà R và ông Đ sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà R nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài mà không quan tâm đến nhau nên bà R yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Công Đ.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà R và ông Phạm Công Đ có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thùy D – sinh ngày 03/02/1999 và cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008. Khi ly hôn bà R yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008. Bà R không yêu cầu ông Phạm Công Đ cấp dưỡng nuôi cháu Long. Đối với con chung Phạm Thị Thùy D – sinh ngày 03/02/1999 đã thành niên nên bà R không yêu cầu gì;

- Về tài sản chung: Bà R và ông Phạm Công Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Bà R và ông Phạm Công Đ không có nợ chung.

Ngoài ra bà Phạm Thị R không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Công Đ trình bày: Ông Đ xác nhận quá trình chung sống, kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung như bà R trình bày là đúng. Năm 2016 thì vợ chồng ông Đ và bà R bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bà R đi làm xa nên ít quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm càng lạnh nhạt. Lý do bà R trình bày ông Đ thường xuyên cò bạc là không đúng sự thật. Ông Đ không muốn gia đình tan nát, bản thân ông Đ còn yêu thương bà R rất nhiều. Nay ông Đ đã nhìn nhận được những khuyết điểm của mình nên ông Đ mong bà R tha thứ, bỏ qua, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con chung. Ông Đ hứa sẽ không còn nóng nảy và sẽ quan tâm đối xử tốt với bà R hơn. Ông Đ xác nhận vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên ông Đ nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà R và nghĩ rằng mâu thuẫn có thể hàn gắn được nên trước yêu cầu ly hôn của bà R thì ông Phạm Công Đ không đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị R.

Ngoài ra ông Đ trình bày: Nếu Tòa án quyết cho bà Phạm Thị R được ly hôn với ông Đ thì ông có ý kiến như sau:

- Về con chung: Ông Đ đồng ý giao cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 cho bà R nuôi dưỡng. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi cháu Long. Đối với cháu Dung đã thành niên nên ông Đ không ý kiến gì.

- Về tài sản chung: ông Đ và bà Phạm Thị R tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Đ và bà Phạm Thị R không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018 của cháu Phạm Thăng L thì khi ba mẹ cháu là ông Đ, bà R ly hôn thì nguyện vọng của cháu Long là được ở với mẹ là bà R. Nguyện vọng của cháu Long là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà R và ông Đ theo biên bản xác minh ngày 03/10/2018 thì bà R và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn xảy ra từ nay 2016 cho đến nay do ông Đ có đánh bạc và ít quan tâm đến vợ con hiện tại bà R và ông Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Tại đơn xin xác nhận ngày 13/9/2018 của bà Phạm Thị R có xác nhận của Công an xã Mê Pu – huyện Đức Linh – tỉnh Bình Thuận xác nhận cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 hiện nay đang ở với bà R tại thôn 7 – xã Mê Pu – huyện Đức Linh – tỉnh Bình Thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị R vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Ông Phạm Công Đ không đồng ý ly hôn.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai – tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Phạm Thị R chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Phạm Công Đ chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị R, cho bà R được ly hôn với ông Phạm Công Đ. Về con chung: Cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 có nguyện vọng được ở với mẹ là bà R nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Long cho bà R nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà R và ông Đ điều trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà R và ông Đ điều trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đ diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị R cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Trích lục khai sinh của cháu Phạm Thị Thùy D (bản sao); 01 giấy khai sinh của cháu Phạm Thăng L (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Phạm Thị R (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Thị R (bản sao); 01 đơn xin thay đổi địa chỉ ngày 13/8/2018 của bà Phạm Thị R (bản chính); 01 đơn xin xác nhận ngày 13/9/2018 của bà Phạm Thị R có xác nhận của Công an xã Mê Pu – huyện Đức Linh – tỉnh Bình Thuận (bản chính); 01 đơn xin xác nhận ngày 13/9/2018 của bà Phạm Thị R có xác nhận của trường tiểu học xã Đoàn kết – huyện Đa Huoai – tỉnh Lâm Đồng (bản chính).

- Bị đơn ông Phạm Công Đ cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân của ông Phạm Công Đ (bản phô tô).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 03/7/2018, ngày 13/9/2018 của bà Phạm Thị R; 01 bản tự khai ngày 09/8/2018 của ông Phạm Công Đ; 01 bản tự khai ngày 09/8/2018 của cháu Phạm Thăng L; 01 biên bản xác minh của Tòa án ngày 03/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn kết – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ là tranh chấp về ly hôn. Ông Đ hiện đang trú tại Thôn G – xã H – huyện I – tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS), xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 17/2012, quyền số 02/2007 do Ủy ban nhân dân xã Đoàn kết – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng cấp và đăng ký lại ngày 08 – 10- 2012.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định của pháp luật thì: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ. Căn cứ vào lời khai của bà R , ông Đ đã thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà R , ông Đ là do không hòa hợp về tính tình, quan điểm sống, nguyên nhân chủ yếu là ông Đ cờ bạc và đánh đập bà R , vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, bà R , ông Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bà R , ông Đ đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nhưng không thể giải tỏa, hàn gắn được, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời căn cứ biên bản xác minh ngày 03/10/2018 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Đoàn Kết – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng về quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Đ có đánh bạc và ít quan tâm đến vợ con nên bà R đã không còn sinh sống với ông Đ nữa, bà R và ông Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà R với

ông Đ là phù hợp.

[3]. Về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thùy D – sinh ngày 03/02/1999 (đã thành niên) và cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008. Khi ly hôn bà R và ông Đ thỏa thuận bà Phạm Thị R được trực tiếp nuôi cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 và ông Phạm Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Long. Xét sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là cháu Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 cho bà Phạm Thị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Long đến tuổi thành niên. Ông Phạm Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Long.

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ điều trình bày không có nợ chung, không ai yêu cầu vợ chồng bà R, ông Đ phải trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Phạm Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2015/0007527 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai – tỉnh Lâm Đồng. Bà Phạm Thị R đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị R được ly hôn với ông Phạm Công Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 17/2012, quyền số 02/2007 do Ủy ban nhân dân xã Đoàn kết – huyện Đa Huoai – tỉnh Lâm Đồng cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung Phạm Thăng L – sinh ngày 17/01/2008 cho bà Phạm Thị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên. Ông Phạm Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Thị R phải chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2015/0007527 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai – tỉnh Lâm Đồng. Bà Phạm Thị R đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị R và ông Phạm Công Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đa Huoai;
- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đa Huoai;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Hà Giang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Căn cứ vào trích lục khai
sinh số: 23/TLKS-BS ngày
11/6/2018 của Ủy ban nhân
dân xã Đoàn Kết – huyện
Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng
và giấy khai sinh số:
13/2008, quyển số 02 đăng
ký ngày 18/3/2008

Đối với đương sự vắng
mặt tại phiên tòa thì thời hạn
kháng cáo là 15 ngày kể từ
ngày nhận được bản sao bản
án hoặc ngày bản án được
niêm yết để yêu cầu Tòa án
nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét
xử theo thủ tục phúc thẩm.

và theo Quyết định hoãn
phiên tòa số
..../2018/QĐXXST-HNGĐ
ngày 06/11/2018

